

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 343/2024/DS-PT

Ngày: 25/6/2024

V/v tranh chấp "Đòi tài sản quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tính**.

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**.

Ông **Võ Thanh Bình**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt**, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Mai Thị Đào Quyên**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 206/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp "Đòi tài sản quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2024/QĐXXPT-DS ngày 16/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Lê Văn U**, sinh năm 1969;

2.2 Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông U, bà M: Bà **Tạm Kim T1**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số E Đường C, Khu phố A, Phường D, thị xã C, Tiền Giang (theo Văn bản uỷ quyền ngày 27/5/2024) (có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1965 (có mặt);

3.2. Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1991 (có mặt);

3.3. Anh **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1993 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.4 Chị **Võ Thị Bảo N1**, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Cháu **Nguyễn Phú V**, sinh ngày 26/01/2015;

Người đại diện theo pháp luật: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1991 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Cháu **Nguyễn Phú Q**, sinh ngày 29/3/2019;

Người đại diện theo pháp luật: Anh **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1993 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Lê Văn U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

*** Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T:**

Hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T được UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01433 QSDĐ/2421/QĐUB(H)7/04 vào ngày 08/11/2004 đối với phần đất có diện tích là 1.148,7m², thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Khoảng tháng 02/2019, do quan hệ bà con nên ông có cho ông U và bà M ở nhờ phần đất có diện tích khoảng 48m² (chiều ngang khoảng 6m, chiều dài khoảng 8m) với thời hạn là 03 năm và ông không có thu tiền. Ông U, bà M có cam kết hết thời hạn 03 năm thì sẽ tự động trả lại đất và di dời tài sản trên đất. Trong quá trình sử dụng đất thì ông U và bà M có xây dựng 01 căn nhà tiền chế để làm tiệm hớt tóc.

Hết thời hạn 03 năm, ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông U và bà M không trả lại đất. Ngày 18/8/2022, Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng không thành.

Ông Nguyễn Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải di dời tài sản để trả lại cho ông Nguyễn Thanh T phần đất có diện tích khoảng 48m² (chiều ngang khoảng 6m, chiều dài khoảng 8m) nằm trong phần đất có tổng diện tích là 1.148,7m², thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*** Nội dung ý kiến thống nhất trình bày của bị đơn ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M:**

Ông Lê Văn U và ông Nguyễn Thanh T có quan hệ là bà con. Năm 2018, ông U cùng với vợ là bà Nguyễn Thị Tuyết M đến gặp vợ chồng của ông T để hỏi ở nhờ trên đất của gia đình ông T và vợ chồng ông T đồng ý. Khi đó thì ông T có nói là sẽ cho vợ chồng ông bà ở nhờ trên đất cho đến hết đời. Khi ông T hứa cho ở nhờ đến hết đời thì các bên có làm giấy, sau đó xuống Ủy ban nhân

dân xã N để xác nhận nhưng Ủy ban không đồng ý xác nhận nên ông U quay trở về trả lại giấy tờ cho gia đình ông T. Hiện nay, giấy đó ở đâu thì ông bà không biết rõ. Sự việc ông T hứa cho ông bà ở hết đời còn được sự chứng kiến của bà con trong làng xóm.

Tháng 4 năm 2018, thì ông bà tiến hành xây dựng nhà tiền chế để làm tiệm hớt tóc. Ngoài tiệm hớt tóc thì ông bà không còn xây dựng gì khác ở trên đất.

Đến tháng 8/2022 thì đột nhiên ông T đòi đất lại và gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Tại buổi làm việc ở Ủy ban thì ông bà xác định ông T cho ở đến hết đời nên không đồng ý trả lại đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông U và bà M không đồng ý toàn bộ.

*** Nội dung ý kiến thống nhất trình bày của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N, anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn L1:**

Thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T. Yêu cầu ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải di dời tài sản để trả lại cho hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T phần đất có diện tích khoảng 48m² (chiều ngang khoảng 6m, chiều dài khoảng 8m) nằm trong phần đất có tổng diện tích là 1.148,7m², thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*** Nội dung ý kiến trình bày của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Bảo N1:**

Chị và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn vào năm 2017, sau khi kết hôn thì chị nhập hộ khẩu vào hộ khẩu của gia đình chồng. Trong quá trình chung sống thì chị được biết hộ gia đình chồng được UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01433 QSDĐ/2421/QĐUB(H)7/04 vào ngày 08/11/2004 cho hộ ông Nguyễn Thanh T đối với phần đất có diện tích là 1.148,7m², thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Khoảng tháng 02/2019 thì gia đình chồng chị có cho ông U và bà M ở nhờ trên phần đất của gia đình trong thời hạn là 03 năm và không có thu tiền. Sau đó, ông U và bà M xây dựng 01 nhà tiền chế để làm tiệm hớt tóc và sinh sống.

Hiện nay, chị và anh L1 đã ly hôn và chuyển về nhà mẹ ruột ở ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang để sinh sống nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị thống nhất và không có ý kiến gì khác.

*** Nội dung ý kiến trình bày của anh Nguyễn Văn L1 là người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Phú Q:**

Thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T. Yêu cầu ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải di dời tài sản để trả lại cho hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T phần đất có diện tích khoảng 48m² (chiều ngang khoảng 6m, chiều dài khoảng 8m) nằm trong phần đất có tổng diện tích là 1.148,7m², thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*** Nội dung ý kiến trình bày của anh Nguyễn Văn L là người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Phú V:**

Thông nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T. Yêu cầu ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải di dời tài sản để trả lại cho hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T phần đất có diện tích khoảng 48m² (chiều ngang khoảng 6m, chiều dài khoảng 8m) nằm trong phần đất có tổng diện tích là 1.148,7m², thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng: Điều 5, 26, 35, 39, 72, 73, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 200, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 105, 107, 115, 164 và 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 167 và Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T:

- Buộc ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải tháo dỡ hoặc di dời nhà ở và kinh doanh loại bán kiên cố (có kết cấu cột thép, vách tole, mái lợp tole), mái che (có kết cấu cột gỗ, mái tole, không vách) và toàn bộ vật dụng trong nhà thuộc quyền sở hữu của ông bà ra khỏi phần đất tranh chấp có diện tích 65,2m² để trả lại cho ông Nguyễn Thanh T phần diện tích đất theo đúng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01433 QSDĐ/2421/QĐUB(H)7/04 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/11/2004 cho hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T.

Dành thời gian lưu cư cho ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M là 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận việc ông Nguyễn Thanh T tự nguyện bồi hoàn cho ông Lê Văn U và chị Nguyễn Thị Tuyết M giá trị của nền gạch men với số tiền là 8.715.775 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh T số tiền là 3.408.110 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

3.2. Trả lại ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0018253 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Ngày 01 tháng 03 năm 2024, bị đơn ông Lê Văn U nộp đơn kháng cáo cùng biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bị đơn ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M đồng ý di dời nhà trả lại đất cho hộ ông T, yêu cầu hộ ông T bồi thường chi phí xây dựng nhà 50.617.000 đồng, chi phí thuê bóc năm ngôi mộ trên đất là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 65.617.000 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông chỉ đồng ý hỗ trợ cho vợ chồng ông U bà M tổng cộng 20.000.000 đồng do ông có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông đã cho ở nhờ trên đất gần 05 năm không có thu tiền và tài sản là nhà trên đất ông U bà M cũng tháo dỡ di dời đi nơi khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N, anh Nguyễn Văn L1, anh Nguyễn Văn L cùng trình bày:* Thống nhất theo ý kiến của ông Nguyễn Thanh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn U, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*đòi tài sản là quyền sử dụng đất*” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự 2015 là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 22/01/2024, Tòa án nhân dân thị xã C ban hành Bản án số 06/2024/DS-ST. Ngày 22/02/2024, ông Lê Văn U được Tòa án tổng đạt hợp lệ Bản án số 06/2024/DS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã C. Ngày 01/03/2024, bị đơn ông Lê Văn U nộp đơn kháng cáo cùng biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn U yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng số tiền 50.617.000 đồng và công di dời năm bộ hài cốt 15.000.000 đồng, tổng cộng là 65.617.000 đồng, vợ chồng ông U đồng ý trả đất ở nhờ lại cho hộ ông Nguyễn Thanh T.

[3.1]. Xét việc cho ở nhờ trên đất giữa ông Nguyễn Thanh T và vợ chồng ông Lê Văn U, bà Nguyễn Thị Tuyết M: Hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01433 QSDĐ/2421/QĐUB(H)7/04 vào ngày 08/11/2004 đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 19, diện tích là 1.148,7m², tọa lạc ấp Q, xã N, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Tiền Giang nên hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T có các quyền của người sử dụng đất đối với thửa đất nói trên theo quy định của Luật Đất đai. Ông T, ông U và bà M đều thống nhất trình bày vào khoảng năm 2018, hộ gia đình ông T đồng ý cho vợ chồng ông U và bà M ở nhờ trên phần đất nói trên với

diện tích là 65,2m² theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 08/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C. Như vậy, xác định giữa ông T và vợ chồng ông U bà M có xác lập miệng việc cho ở nhờ trên đất tranh chấp.

[3.2]. Xét thời hạn và điều kiện cho ở nhờ: Ông T cho rằng khi cho ở nhờ các bên thỏa thuận thời hạn là 03 năm nhưng phía bị đơn ông U và bà M thì cho rằng ông T hứa sẽ cho vợ chồng ông bà ở trên phần đất này cho đến hết đời. Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa, bà T2 đại diện theo ủy quyền của ông U và bà M cho rằng ông U, bà M đồng ý trả lại đất ở nhờ cho hộ ông T và yêu cầu bồi thường chi phí san lấp mặt bằng số tiền 50.617.000 đồng và công di dời năm bộ hài cốt 15.000.000 đồng, tổng cộng là 65.617.000 đồng. Xét thấy, ông U bà M đã đồng ý trả lại đất cho ở nhờ nên không cần xem xét về thời hạn và điều kiện cho ở nhờ để xét yêu cầu khởi kiện của ông T. Xét yêu cầu bồi thường của ông U, bà M chưa được thụ lý giải quyết tại cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể xem xét, dành cho ông U và bà M được quyền khởi kiện yêu cầu ông T bồi thường các chi phí nêu trên bằng vụ án khác.

[3.3]. Xét việc hộ ông T tự nguyện hỗ trợ cho ông U bà M chi phí di dời nhà tổng cộng 20.000.000 đồng nhưng không được đại diện phía bị đơn là bà T2 đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét do đã dành quyền khởi kiện cho bị đơn ông U bà M đối với yêu cầu bồi thường.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí Dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 5, 26, 35, 39, 72, 73, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 200, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 105, 107, 115, 164 và 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 167 và Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn U; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 22/01/2024, của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T:

- Buộc ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải tháo dỡ hoặc di dời nhà ở và kinh doanh loại bán kiên cố (có kết cấu cột thép, vách tole, mái lợp tole), mái che (có kết cấu cột gỗ, mái tole, không vách) và toàn bộ vật dụng trong nhà thuộc quyền sở hữu của ông bà ra khỏi phần đất tranh chấp có diện tích 65,2m² để trả lại cho ông Nguyễn Thanh T phần diện tích đất theo đúng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01433 QSDĐ/2421/QĐUB(H)7/04 do

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/11/2004 cho hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T.

Dành thời gian lưu cư cho ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M là 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận việc ông Nguyễn Thanh T tự nguyện bồi hoàn cho ông Lê Văn U và chị Nguyễn Thị Tuyết M giá trị của nền gạch men với số tiền là 8.715.775 đồng.

1.2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh T số tiền là 3.408.110 đồng.

1.3. Về án phí:

- Ông Lê Văn U và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

- Trả lại ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0018253 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn U chịu 300.000 đồng án phí, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004743 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang, vậy ông U đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 11 giờ ngày 25/6/2024.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Công bố bản án CTTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2024-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính